

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra công tác dân tộc

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Thanh tra công tác dân tộc là cơ quan thanh tra nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban); ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc Ban Dân tộc hoặc cơ quan có chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ban).

2. Thanh tra công tác dân tộc thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng, phạm vi thanh tra

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân tộc và Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc tại Việt Nam.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động của thanh tra công tác dân tộc phải tuân thủ theo pháp luật đảm bảo chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không làm cản trở hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, thủ trưởng cơ quan thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thanh tra viên và các thành viên đoàn thanh tra phải tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Điều 4. Mối quan hệ công tác

1. Các cơ quan thanh tra công tác dân tộc hoạt động dưới sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc cùng cấp, đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức, nghiệp vụ thanh tra của các cơ quan thanh tra nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Cơ quan thanh tra công tác dân tộc phối hợp với cơ quan Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác của Nhà nước trong quá trình thanh tra đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thanh tra, kiểm tra; phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động của thanh tra công tác dân tộc

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra công tác dân tộc trong phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc; kiện toàn tổ chức bộ máy của Thanh tra Ủy ban; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ủy ban theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có trách nhiệm tổ chức, kiện toàn tổ chức, trang bị phương tiện làm việc cho Thanh tra Ban Dân tộc.

3. Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và bảo đảm điều kiện hoạt động cho Thanh tra Ban Dân tộc; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 6. Tổ chức của thanh tra công tác dân tộc

1. Tổ chức của thanh tra công tác dân tộc gồm:

- a) Thanh tra Ủy ban thuộc Ủy ban Dân tộc;
- b) Thanh tra Ban thuộc Ban Dân tộc cấp tỉnh.

Đối với cơ quan có chức năng giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc thì Thanh tra công tác dân tộc thuộc cơ cấu tổ chức của Thanh tra các cơ quan này.

2. Các cơ quan Thanh tra công tác dân tộc quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu riêng.

Điều 7. Thanh tra Ủy ban

1. Thanh tra Ủy ban là cơ quan của Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc.

2. Thanh tra Ủy ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Ủy ban có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh thanh tra do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra; Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định thành lập các phòng nghiệp vụ và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Thanh tra Ủy ban.

Điều 8. Thanh tra Ban

1. Thanh tra Ban là cơ quan của Ban Dân tộc tỉnh, có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc của Ban Dân tộc tỉnh.

2. Thanh tra Ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo hướng dẫn về công tác và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra cấp tỉnh, nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Ủy ban.

3. Thanh tra Ban có Chánh thanh tra, các Phó Chánh thanh tra và các Thanh tra viên. Chánh Thanh tra do Trưởng ban Ban dân tộc tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra cấp tỉnh; Phó Chánh thanh tra, Thanh tra viên được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Biên chế của Thanh tra Ban do Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định.

5. Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tổ chức theo mô hình Ban Dân tộc - Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ, quy định cụ thể về tổ chức, biên chế và hoạt động của Thanh tra Ban Dân tộc - Tôn giáo theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy Ban Dân tộc và Ban Tôn giáo Chính phủ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ủy ban

1. Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về thanh tra; kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra.

2. Thanh tra trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban.

3. Thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Dân tộc theo quy định của pháp luật, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Các quy định về thực hiện chính sách dân tộc của Nhà nước về ưu tiên phát triển đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chương trình dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ ở vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa;

b) Các quy định về thực hiện mô hình thí điểm, chính sách ưu đãi ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc phê duyệt.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành về lĩnh vực công tác dân tộc cho Thanh tra Ban; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra.

7. Theo dõi, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Ủy ban Dân tộc.

8. Tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thanh tra Chính phủ về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.

9. Kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc khi phát hiện những cơ chế, chính sách đó không phù hợp với thực tiễn và pháp luật.

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc giao.

Điều 10. Nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Thanh tra Ủy ban

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập Đoàn thanh tra, cử Thanh tra viên, trung tập cộng tác viên thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xem xét xử lý trách nhiệm người có hành vi vi phạm; tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Dân tộc khi có đủ căn cứ cho rằng các hành vi vi phạm, quyết định đó trái pháp luật hoặc gây ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra.

7. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc xử lý việc chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra và giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra, trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng thanh tra theo quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.

8. Lãnh đạo Thanh tra Ủy ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ban

1. Thanh tra hành chính đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Trưởng ban Ban Dân tộc trong việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao.

2. Thanh tra chuyên ngành đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Dân tộc tỉnh, trong việc thực hiện các quy định về chính sách dân tộc của Nhà nước đối với đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Giúp Trưởng ban Ban Dân tộc tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về chống tham nhũng.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Ban thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Ban Dân tộc.

7. Tổng hợp, báo cáo Trưởng ban Ban Dân tộc và Thanh tra tỉnh về kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc.

8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc của Trưởng ban Ban Dân tộc tỉnh giao.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ban

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch đó.

3. Trình Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

4. Trình Trưởng ban Ban Dân tộc quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập đoàn thanh tra, cử thanh tra viên, trung tập cộng tác viên thanh tra thực hiện việc thanh tra theo quy định của pháp luật.

5. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Kiến nghị Trưởng ban Ban Dân tộc tạm đình chỉ việc thi hành quyết định của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ban Dân tộc khi có đủ căn cứ cho rằng các quyết định đó trái pháp luật hoặc gây cản trở đến hoạt động thanh tra.

7. Kiến nghị Trưởng ban Ban Dân tộc giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra, trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh thanh tra tỉnh và Chánh Thanh tra Ủy ban Dân tộc.

8. Kiến nghị Trưởng ban Ban Dân tộc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Ban Dân tộc.

9. Lãnh đạo Thanh tra Ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về Thanh tra.

Điều 13. Thanh tra viên

1. Thanh tra viên công tác dân tộc là công chức nhà nước, được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thanh tra; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ đối với Thanh tra viên công tác dân tộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra viên công tác dân tộc phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 31 của Luật Thanh tra.

3. Thanh tra viên công tác dân tộc được cấp trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và được hưởng các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

4. Khi thực hiện công tác thanh tra, Thanh tra viên công tác dân tộc có các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị định này và Điều 40, Điều 50 Luật Thanh tra; các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Cộng tác viên Thanh tra công tác dân tộc

1. Cộng tác viên Thanh tra công tác dân tộc là người được Thủ trưởng cơ quan nhà nước, Thủ trưởng cơ quan Thanh tra công tác dân tộc trung tập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Cộng tác viên Thanh tra công tác dân tộc phải có phẩm chất chính trị, có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ thanh tra được giao.

3. Tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm và việc trung tập cộng tác viên Thanh tra công tác dân tộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA CÔNG TÁC DÂN TỘC

Điều 15. Hình thức thanh tra

Hoạt động thanh tra được thực hiện dưới hình thức thanh tra theo chương trình, kế hoạch và thanh tra đột xuất:

1. Thanh tra Ủy ban thực hiện thanh tra theo chương trình, kế hoạch đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt.

2. Thanh tra Ban thực hiện thanh tra theo chương trình, kế hoạch đã được Trưởng ban Ban Dân tộc phê duyệt.

3. Thanh tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, theo yêu cầu của vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc Thủ trưởng cơ quan Thanh tra giao.

Điều 16. Nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra

1. Nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra thực hiện theo các quy định của pháp luật về thanh tra.

2. Khi xử lý vi phạm, Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải thực hiện đầy đủ trình tự theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và người ra quyết định thanh tra về quyết định và biện pháp xử lý của mình.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra

Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền và nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu về nội dung, thời gian, kết luận, quyết định xử lý thanh tra theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thẩm quyền phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra, ra quyết định thanh tra

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của năm sau do Chánh Thanh tra Ủy ban trình chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 của năm trước. Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra được duyệt, Chánh Thanh tra Ủy ban ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra, phân công Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

2. Trưởng ban Ban Dân tộc phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra của năm sau do Chánh Thanh tra Ban trình chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 của năm trước. Căn cứ chương trình, kế hoạch thanh tra được duyệt, Chánh Thanh tra Ban ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra, phân công Thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

3. Trong trường hợp cần thiết Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước theo thẩm quyền của Ủy ban Dân tộc; Trưởng ban ra quyết định thanh tra và thành lập đoàn thanh tra trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền của Ban Dân tộc tỉnh.

Điều 19. Điều kiện hoạt động

1. Các cơ quan Thanh tra công tác dân tộc được trang bị về điều kiện, phương tiện, thiết bị kỹ thuật làm việc.

2. Kinh phí hoạt động của cơ quan Thanh tra công tác dân tộc do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra công tác dân tộc được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình vi phạm các quy định của pháp luật về Thanh tra và Nghị định này hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực dân tộc, cản trở hoạt động Thanh tra công tác dân tộc, mua chuộc, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, trả thù người khiếu nại, tố cáo thì tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phan Văn Khải